

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/02/2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám.

2. Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên: Cháu Võ Thị Tâm N, sinh ngày 30/12/2005 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 01/11/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Thanh P trình bày: Ông và bà Dương Thị L kết hôn vào năm 2004. Đến ngày 07/10/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm. Đến năm 2014, bà L đòi đi làm ăn xa thì ông P không đồng ý. Nng bà L vẫn bỏ đi, không nói đi đâu, không L lạc với ông P, ông P đi tìm Nng không tìm được. Cha mẹ ruột của bà L không còn ai ở địa phương, không ai biết bà L ở đâu, kể từ năm

2014 đến nay ông P đã tìm đủ mọi cách Nng vẫn không có tin tức của bà L. Đến ngày 25/10/2019, ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Dương Thị L mất tích tại Quyết định số 02/2019/QĐST-VDS ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, đến nay bà L vẫn không L lạc, không có tin tức gì. Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Dương Thị L.

Về con chung: Ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L có một người con chung tên Võ Thị Tâm N, sinh ngày 30/12/2005, hiện nay con chung đang sống với ông P. Ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Dương Thị L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Dương Thị L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nng bà L không L lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Dương Thị L đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai Nng bà L vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị L.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 53; khoản 2 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của của ông Võ Thanh P; Về con chung: Giao cho ông Võ Thanh P được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Tâm N, sinh ngày 30/12/2005 đến tuổi trưởng thành. Bà Dương Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Thanh P không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

Về tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị L đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, Nng bà L vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Dương Thị L.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-VDS, ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên. Ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L kết hôn vào năm 2004. Đến ngày 07/10/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. N vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khi thụ lý vụ án, Tòa án niêm yết thông báo cho bà L về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 307/TB-TLVA ngày 03/12/2019, thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L, Nng bà L vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà L. Xét thấy, kể từ năm 2014 cho đến nay, bà L bỏ đi khỏi địa phương không để lại địa chỉ L lạc, không rõ tung tích và ông P tìm đủ mọi cách vẫn không tìm được bà L. N vậy, mục đích hôn nhân giữa ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L không đạt được và đến ngày 25/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã ra Quyết định tuyên bố bà Dương Thị L mất tích, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Thanh P.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Võ Thanh P và bà Dương Thị L có 01 người con chung là Võ Thị Tâm N, sinh ngày 30/12/2005, hiện nay con chung đang sống với ông P. Khi ly hôn, ông P yêu cầu được nuôi con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, bà L bỏ đi từ năm 2014 đến nay thì cháu Võ Thị Tâm N sống với ông P và tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2020, cháu N trình bày, khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với cha, nguyện vọng của cháu N là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, hơn nữa bà L đã mất tích nên việc tiếp tục giao cháu N cho ông P nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2 Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cho ông P được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Võ Thị Tâm N đến tuổi trưởng thành. Bà Dương Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Thanh P không yêu cầu bà Dương Thị L cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Vấn đề Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 53; khoản 2 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh P được quyền ly hôn với bà Dương Thị L.

[2] Về con chung: Giao cho ông Võ Thanh P được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Tâm N, sinh ngày 30/12/2005 đến tuổi trưởng thành.

[3] Bà Dương Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Thanh P không yêu cầu bà Dương Thị L cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Ông Võ Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Nng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000045 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. N vậy, ông P đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú, H. Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (*Giấy CNKH số 257. Quyền số 01/2009, ngày 07/10/2009*).
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ